

DỰ THẢO

QUY CHẾ

**Phối hợp trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày/.../2026 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Nội dung phối hợp bao gồm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và chia sẻ cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ doanh nghiệp;

c) Tiếp nhận, xử lý, giải đáp phản ánh, kiến nghị và vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp;

d) Tổ chức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, đối thoại, tập huấn và cung cấp thông tin pháp luật cho doanh nghiệp;

đ) Khảo sát, thống kê, đánh giá nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp;

e) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền quyết định và phối hợp thực hiện hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật;

g) Theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo và các hoạt động phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Những nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường.

3. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh; các tổ chức đại diện doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan.

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức.

2. Bảo đảm chủ động, thường xuyên, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

3. Không làm phát sinh thủ tục hành chính, không chồng chéo nhiệm vụ, không làm thay chức năng của cơ quan khác.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận đầy đủ các chính sách hỗ trợ pháp lý.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chia sẻ dữ liệu và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý.

6. Bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực của Nhà nước; khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ doanh nghiệp.

Điều 4. Nội dung phối hợp

Các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện các nội dung sau:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý.

2. Cập nhật, quản lý, chia sẻ cơ sở dữ liệu pháp luật.

3. Tiếp nhận, giải đáp, xử lý phản ánh, kiến nghị, vướng mắc pháp lý.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật.

5. Khảo sát, thống kê, đánh giá nhu cầu hỗ trợ pháp lý.

6. Thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật.

7. Theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

8. Thực hiện các nội dung phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi thông tin, cung cấp tài liệu bằng văn bản hoặc trên môi trường điện tử.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, đối thoại, khảo sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết.

3. Thành lập tổ công tác hoặc đoàn công tác liên ngành khi cần thiết.
4. Chia sẻ, kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ hỗ trợ pháp lý.
5. Lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức họp liên ngành hoặc các hình thức phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý

1. Sở Tư pháp chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hằng năm hoặc theo từng giai đoạn.
2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm:
 - a) Đề xuất nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý;
 - b) Phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - c) Lồng ghép hoạt động hỗ trợ pháp lý vào các chương trình, kế hoạch, đề án của ngành, địa phương.
3. Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung chương trình, kế hoạch, cơ quan chủ trì nhiệm vụ báo cáo Sở Tư pháp tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 7. Phối hợp xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật

1. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm:
 - a) Cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thuộc lĩnh vực quản lý;
 - b) Công khai trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định;
 - c) Cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Sở Tư pháp.
2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:
 - a) Chủ trì hướng dẫn việc xây dựng, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ doanh nghiệp;
 - b) Quản lý, vận hành và thường xuyên cập nhật chuyên mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của Sở;
 - c) Kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan có liên quan.

3. Doanh nghiệp được khai thác miễn phí cơ sở dữ liệu pháp luật được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phối hợp tiếp nhận, xử lý và giải đáp vướng mắc pháp lý

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, vướng mắc pháp lý thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm:

a) Giải đáp hoặc xử lý theo thẩm quyền;

b) Chuyển cơ quan có thẩm quyền đối với nội dung vượt thẩm quyền và thông báo cho doanh nghiệp biết;

c) Phối hợp với cơ quan liên quan để giải quyết các vụ việc liên ngành.

3. Sở Tư pháp là đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình tiếp nhận, xử lý vướng mắc pháp lý; trường hợp phát sinh khó khăn hoặc vượt thẩm quyền thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Thời hạn giải quyết phản ánh, kiến nghị thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 9. Phối hợp tổ chức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

1. Các sở, ban, ngành chủ trì hoặc phối hợp tổ chức phổ biến pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Sở Tư pháp chủ trì:

a) Tổ chức các hoạt động phổ biến pháp luật có tính liên ngành;

b) Chủ trì biên soạn, cập nhật tài liệu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

c) Phối hợp tổ chức hội nghị, tập huấn, tọa đàm, đối thoại, tư vấn pháp luật và các hình thức phổ biến pháp luật khác phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

3. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh và các tổ chức đại diện doanh nghiệp phối hợp tuyên truyền, vận động doanh nghiệp tham gia các hoạt động hỗ trợ pháp lý; giới thiệu nhu cầu, phản ánh các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để cơ quan nhà nước xem xét, giải quyết.

4. Việc tổ chức các hoạt động phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh trùng lặp về nội dung, thời gian, đối tượng; ưu tiên ứng dụng công nghệ số, tổ chức trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia.

Điều 10. Phối hợp khảo sát, thống kê, đánh giá nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, điều tra, thống kê, đánh giá nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hoặc khi cần thiết.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh và các tổ chức có liên quan có trách nhiệm:

a) Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu theo yêu cầu;

b) Tham gia khảo sát, đánh giá nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

c) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý.

3. Kết quả khảo sát là căn cứ để xây dựng, điều chỉnh chương trình, kế hoạch và nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của tỉnh.

Điều 11. Phối hợp tiếp nhận, thẩm định và thực hiện hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp

1. Việc hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn doanh nghiệp và tổ chức tư vấn pháp luật lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

b) Tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;

c) Chủ trì thẩm định hồ sơ; trường hợp cần thiết lấy ý kiến các cơ quan có liên quan;

d) Trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc hỗ trợ;

đ) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách hỗ trợ; tổng hợp tình hình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp theo quy định.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong quá trình thẩm định các nội dung liên quan đến kinh phí;

b) Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách;

c) Hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

4. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Phối hợp xác minh thông tin thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu;

b) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ việc thẩm định;

c) Phối hợp xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

5. Tổ chức tư vấn pháp luật có trách nhiệm:

- a) Thực hiện tư vấn đúng nội dung đã ký kết với doanh nghiệp;
- b) Lập hồ sơ thanh toán đầy đủ, trung thực theo quy định;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ.

6. Doanh nghiệp được hỗ trợ có trách nhiệm:

- a) Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu;
- b) Phối hợp với cơ quan nhà nước trong quá trình thẩm định;
- c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp.

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

2. Báo cáo định kỳ gửi trước ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

3. Nội dung báo cáo gồm:

- a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao;
- b) Những khó khăn, vướng mắc;
- c) Kiến nghị, đề xuất.

4. Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Chủ trì tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý mang tính liên ngành.

4. Chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu và chuyên mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

5. Tiếp nhận, hướng dẫn, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế; tổ chức sơ kết, tổng kết; tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất.

7. Chủ trì giải quyết hoặc tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.
2. Chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với Sở Tư pháp triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý.
3. Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật; công khai thủ tục hành chính và các thông tin pháp lý thuộc phạm vi quản lý.
4. Tiếp nhận, xử lý hoặc tham mưu xử lý các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp.
5. Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu; tham gia khảo sát, thống kê và đánh giá nhu cầu hỗ trợ pháp lý.
6. Phối hợp xác minh, cung cấp tài liệu, tham gia thẩm định hồ sơ hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật khi có yêu cầu.
7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn.
2. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận chính sách hỗ trợ pháp lý.
3. Tiếp nhận, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp; phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền.
4. Phối hợp xác minh thông tin phục vụ việc thẩm định hồ sơ hỗ trợ khi có yêu cầu.
5. Phối hợp cung cấp số liệu phục vụ thống kê, báo cáo.
6. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý theo phân cấp ngân sách.
2. Phối hợp thẩm định các nội dung liên quan đến kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật.
3. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.
4. Phối hợp kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ.

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế.

2. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Phối hợp công khai thông tin chỉ đạo, điều hành liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh và các tổ chức đại diện doanh nghiệp

1. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật và chính sách hỗ trợ pháp lý đến hội viên.

3. Tổng hợp nhu cầu, kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền.

4. Phối hợp giới thiệu chuyên gia, luật sư, tư vấn viên pháp luật tham gia các chương trình hỗ trợ pháp lý theo quy định.

5. Khuyến khích huy động nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ doanh nghiệp.

Điều 19. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu và chấp hành các quy định của pháp luật; tích cực tham gia các chương trình, hoạt động hỗ trợ pháp lý do cơ quan nhà nước và các tổ chức có liên quan tổ chức.

2. Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi đề nghị hỗ trợ pháp lý; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

3. Chủ động phản ánh, kiến nghị, đề xuất nhu cầu hỗ trợ pháp lý; phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức tư vấn pháp luật trong quá trình giải quyết các phản ánh, kiến nghị, vướng mắc pháp lý.

4. Thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục để được hưởng chính sách hỗ trợ pháp lý, chính sách hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật.

5. Sử dụng kinh phí hỗ trợ (nếu có) đúng mục đích; chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ trong trường hợp sử dụng không đúng quy định hoặc phát hiện có hành vi gian lận, cung cấp thông tin không trung thực theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được bảo đảm từ:

- a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;
- b) Nguồn hỗ trợ từ các chương trình, đề án, dự án theo quy định của pháp luật;
- c) Nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Hằng năm, căn cứ chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan được giao chủ trì nhiệm vụ lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 21. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; kịp thời phát hiện, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm:

- a) Phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của cơ quan chủ trì;
- b) Thực hiện đầy đủ các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra;
- c) Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện không đúng quy định của Quy chế này hoặc vi phạm quy định của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện

1. Hằng năm, Sở Tư pháp chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

2. Căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước và tình hình thực tế, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu, báo cáo phục vụ công tác sơ kết, tổng kết theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có yêu cầu sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế theo quy định của pháp luật.